TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:668/2020/DS-ST
Ngày: 22/9/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Đăng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hải

Bà Lê Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 863/2019/TLST-DS ngày 04/12/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG TT

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T, trú tại Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 1129/2020/UQ-TTT ngày 06/5/2020)

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1975

Thường trú: Ấp A, Xã N, Huyện T, Tỉnh V

Tạm trú: Đường H, Phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/8/2019 và bản khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Bích Thanh T trình bày:*

Ngày 23/7/2015, ông Nguyễn Ngọc S ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo mẫu của Ngân hàng TMCP SG TT (sau đây gọi là Ngân hàng). Theo đó Ngân hàng chấp nhận phát hành 02 thẻ tín dụng có chung hạn mức 50.000.000 đồng, thẻ tín dụng quốc tế Visa Credit Gold số 472075-6070 và thẻ Family Local Credit số 970403-3482.

Sau khi được cấp hai thẻ tín dụng nêu trên, ông S đã thực hiện các giao dịch với số tiền như sau: thẻ Visa Credit Gold số 472075-6070 là 168.547.092 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-3482 là 90.323.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh cụ thể: thẻ Visa Credit Gold số 472075-6070 là 166.731.614 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-3482 là 99.693.497 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Từ ngày 31/4/2019 ông S không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào theo thỏa thuận. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn ngày 01/6/2019 (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền 66.449.154 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm năm mươi bốn đồng) tạm tính đến ngày 22/9/2020 cụ thể: thẻ Visa Credit Gold số 472075-6070 có số nợ gốc là 29.411.607 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.176.160 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-3482 có số nợ gốc là 13.991.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.870.050 đồng. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/7/2015. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông S vắng mặt không có lý do.*

Đến ngày xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bảng kê chi tiết lịch sử thanh toán của ông Nguyễn Ngọc S, có cơ sở xác định ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện ông S đối với việc sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng thì đây là quan hệ hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng:

Theo kết quả xác minh, ông Nguyễn Ngọc S có đăng ký thường trú tại Ấp A, Xã N, Huyện T, Tỉnh V và đăng ký tạm trú tại số Đường H, Phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013. Tuy nhiên từ tháng 10/2018 ông S không còn cư ngụ tại địa phương, không rõ địa chỉ hiện nay.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận – Phòng Kinh tế cho biết Hộ kinh doanh Sơn do ông Nguyễn Ngọc S là đại diện hộ kinh doanh hoạt động tại địa điểm Đường H, Phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập ông S để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 26/8/2020 và phiên tòa hôm nay nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do.

Đồng thời, ngày 01/7/2020 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, ông S không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ông S đã ký ngày 23/7/2015, nội dung đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng và Ngân hàng phê duyệt hạn mức 50.000.000 đồng. Ông S cũng xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc nghĩa vụ và chịu trách nhiệm bởi bản Điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là Đơn vị phát hành thẻ (sau đây gọi là bản Điều khoản). Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ nêu trên phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật.

Ngày 31/4/2019 ông S không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng là ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo Điều 2, Điều 8 và Điều 23 của bản Điều khoản, ngày 01/6/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số nợ là 43.402.944 đồng trong đó thẻ Visa Credit Gold số 472075-6070 có số nợ gốc là 29.411.607 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-3482 có số nợ gốc là 13.991.337 đồng.

Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng, lãi suất thẻ tín dụng quốc tế là 2,15%/tháng và Thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 của Ngân hàng, lãi suất thẻ Family là 2,5%/tháng. Cho đến nay Ngân hàng không có thay đổi mức lãi suất này. Tại Điều 23 bản Điều khoản áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất thẻ. Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước, lãi suất Ngân hàng áp dụng là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu của Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S trả toàn bộ số tiền 66.449.154 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm năm mươi bốn đồng) tạm tính đến ngày 22/9/2020 cụ thể: thẻ Visa Credit Gold số 472075-6070 có số nợ gốc là 29.411.607 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.176.160 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-3482 có số nợ gốc là 13.991.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.870.050 đồng. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/7/2015. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 13, Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, khi ông S không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng hai thẻ tín dụng nêu trên, chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi

quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.322.458 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.148.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0042369 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 11, khoản 2 Điều 13 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG TT.

Ông Nguyễn Ngọc S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP SG TT số tiền 66.449.154 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn

một trăm năm mươi bốn đồng) tạm tính đến ngày 22/9/2020 cụ thể: thẻ Visa Credit Gold số 472075-6070 có số nợ gốc là 29.411.607 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.176.160 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-3482 có số nợ gốc là 13.991.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.870.050 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Ngọc S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/7/2015.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.322.458 đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng).

Ngân hàng TMCP SG TT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.148.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0042369 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP SG TT và ông Nguyễn Ngọc S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THA DS Q.PN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Đăng Hà